

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**
Bản án số: **30/2022/HS-ST**
Ngày 11/8/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Nguyễn Ngọc Chín.

2. bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1995 tại huyện N, tỉnh N; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh N; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và bà Đỗ Thị Hồng T, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: không;

Tiền án: 02 tiền án:

- Ngày 07/8/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 43/2017/HSST.

- Ngày 29/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 10/2017/HS-ST.

Nhân thân:

- Ngày 18/9/2019 bị Cơ quan CSĐT Công an quận S, thành phố Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 24/3/2022 bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã B, tỉnh N khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam trong một vụ án khác. *Có mặt.*

Bị hại: ông Trần Văn K, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Lê Thị Q, sinh năm 1963. Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp của ông K:

- Ông Trần Th, sinh năm 1924.

- Bà Lê Thị Q, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh N.

- Anh Trần Công T, sinh năm 1983. Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn A, huyện S, tỉnh N.

Ông Th, anh T ủy quyền cho bà Q tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2022. *Bà Quyển có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/01/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 43K3-5124 đi từ thị xã B, tỉnh N để về nhà. Khi đi ngang quán tạp hóa của nhà ông Trần Văn K thì bị cáo nảy sinh ý định đột nhập vào quán tạp hóa này để trộm cắp tài sản vì trước đó bị cáo đã từng trộm cắp tài sản tại đây. Bị cáo dừng xe, trèo lên cây xanh bên cạnh quán để lên mái tôn của quán, tìm cách đột nhập vào quán. Thấy mái tôn có bắt ốc vít nên bị cáo xuống mở cốp xe của mình lấy một cái cờ lê lên mở ốc vít. Khi bị cáo đang mở ốc vít mái tôn thì bị ông K và người dân phát hiện, bắt giữ giao cho cơ quan Công an.

Quá trình làm việc, bị cáo khai nhận trước đây đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại quán tạp hóa của nhà ông K, cụ thể như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 18/10/2019, bị cáo điều khiển xe mô tô 43K3 -5124 đi từ thành phố Đ về nhà tại huyện N. Khi đi đến đoạn ngã ba thị trấn A, huyện S thì xe mô tô bị hỏng nên bị cáo dắt xe quay ngược lại đường Quốc lộ 1A hướng ra Đ. Đi được một đoạn, bị cáo thấy bên kia đường có quán tạp hóa của nhà ông K, phía trước quán có mắc võng nên vào ngồi nghỉ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, thấy nhà ông K đóng cửa đi ngủ nên bị cáo nảy sinh ý định đột nhập vào quán để trộm cắp tài sản. Bị cáo ngồi đợi đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 19/10/2019 thì trèo lên một cây xanh bên cạnh quán, trèo qua lỗ cửa chính dùng

tay bẻ tấm chắn nhựa trên cửa chính rồi đột nhập vào bên trong quán. Bị cáo dùng một cái kéo có sẵn tại quán để mở ốc vít của khung cửa sổ, tháo cửa sổ ra và chuyển tài sản mà bị cáo trộm cắp ra ngoài. Tài sản bị cáo đã trộm được bao gồm: 03 thùng bia Larue, 02 lốc nước bò húc, 02 lốc nước Number One, 01 cây thuốc Prince, 10 gói thuốc con ngựa, 10 gói thuốc Dunhill, 01 ống bơm xe đạp và 02 áo mưa tiện lợi. Sau đó, bị cáo dùng xe mô tô 43K3-5124 chở tài sản trộm cắp được ra thị xã B bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Sau khi làm việc với công an huyện S, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 20/5/2020, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S ra Quyết định truy nã. Đến ngày 21/3/2022, bị cáo bị Công an thị xã B bắt quả tang khi đang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 08/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quế Sơn kết luận: 03 thùng bia lon Larue, 02 lốc nước bò húc, 02 lốc nước Number One, 01 cây thuốc Prince, 10 gói thuốc con ngựa, 10 gói thuốc Dunhill, 01 ống bơm xe đạp và 02 áo mưa tiện lợi có giá trị 1.603.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen, bên trong có chứa sim số 0347.729.294; 01 điện thoại di động hiệu ST, màu xanh, bên trong chứa sim số 0779.446.797.

- 01 sợi dây thừng dài 2,4 mét có bốn nút thắt.

- 01 xe mô tô hiệu Dream, biển số 43K3-5124.

- 01 cái cờ lê bằng kim loại dài 12,5m; 01 cái cờ lê bằng kim loại dài 13,5m.

- 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thế L.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKSQS ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, các điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị bắt đi thi hành án; về trách nhiệm dân sự: áp dụng

Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự 2015 buộc bị cáo bồi thường cho bà Lê Thị Q số tiền 1.603.000 đồng; về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình sai trái, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào ngày 19/10/2019, tại quán tạp hóa của nhà ông Trần Văn K ở thôn Đ, xã P, huyện S, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút trộm cắp: 03 thùng bia lon Larue, 02 lốc nước bò húc, 02 lốc nước Number One, 01 cây thuốc Prince, 10 gói thuốc con ngựa, 10 gói thuốc Dunhill, 01 ống bơm xe đạp và 02 áo mưa tiện lợi. Tổng giá trị tài sản định giá là 1.603.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 07/8/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 29/11/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt của hai bản án là 27 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 06/3/2019 đến ngày 19/10/2019 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa án tích. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu tài sản của mọi công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo nhận thức rõ được điều đó nhưng vẫn lợi dụng sơ hở của chủ sở

hữu để trộm cắp tài sản với mục đích tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo không có tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân xấu, trong thời gian bị cáo bỏ trốn và bị truy nã, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đã bị Cơ quan điều tra Công an thị xã B khởi tố vụ án vào ngày 24/3/2022, điều này thể hiện bị cáo không ăn năn, hối cải, do đó không áp dụng tình tiết ăn năn hối cải đối với bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo tự mình khai nhận hành vi phạm tội khi chưa bị phát hiện, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhưng cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa, bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với số tài sản bị mất theo giá trị định giá là 1.603.000 đồng. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị Q số tiền 1.603.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen, bên trong có chứa sim số 0347.729.294 và 01 điện thoại di động hiệu ST, màu xanh, bên trong chứa sim số 0779.446.797 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 sợi dây thừng dài 2,4 mét có bốn nút thắt là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để trộm cắp tài sản, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với các vật chứng gồm: 01 xe mô tô hiệu Dream, biển số 43K3-5124, trong cốp xe có 01 cái cờ lê bằng kim loại dài 12,5m, 01 cái cờ lê bằng kim loại dài 13,5m và 01 chứng minh nhân dân số 197358573 mang tên Nguyễn Thế L: quá trình điều tra, bị cáo khai nhận chiếc xe này bị cáo trộm cắp tại thị xã B nên Công an huyện S đã chuyển thông tin tội phạm kèm vật chứng cho Công an thị xã B xác minh, xử lý là phù hợp.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 586 và 589 Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn K 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị Q số tiền 1.603.000 (*một triệu sáu trăm lẻ ba ngàn*) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen, bên trong có chứa sim số 0347.729.294 và 01 điện thoại di động hiệu ST, màu xanh, bên trong chứa sim số 0779.446.797 để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 sợi dây thừng dài 2,4 mét có bốn nút thắt.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 21/6/2022).

4. Án phí: buộc bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/8/2022). Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quế Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Sen